

Số: 129 /KH-UBND

Việt Yên, ngày 25 tháng 7 năm 2018

## **KẾ HOẠCH**

**Cập nhật, sửa đổi, bổ sung dịch vụ công trực tuyến  
theo Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017**

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. UBND huyện Việt Yên xây dựng kế hoạch Cập nhật dịch vụ công trực tuyến trên Phần mềm một cửa điện tử huyện và trên Trang thông tin điện tử huyện, cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Triển khai cập nhật, sửa đổi, bổ sung dịch vụ công trực tuyến trên phần mềm một cửa điện tử huyện và trên trang thông tin điện tử huyện theo đúng quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Cung cấp đầy đủ các thông tin, dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định. Đồng thời góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của huyện Việt Yên; nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị.

#### **2. Yêu cầu**

Triển khai thực hiện việc cập nhật dịch vụ công trực tuyến phải được các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kịp thời, chính xác, đồng bộ, toàn diện.

Xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ, trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong triển khai thực hiện.

Cung cấp đầy đủ các thông tin hướng dẫn về các dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử của huyện, phát huy hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

### **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

**1. Cập nhật, sửa đổi, bổ sung dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, mức độ 2 trên Phần mềm một cửa điện tử huyện và trên Trang thông tin điện tử huyện:**

- Tổng số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, mức độ 2: 449 TTHC, trong đó:

- Cấp huyện: 231 TTHC.
- Cấp xã: 113 TTHC.
- Liên thông: 105 TTHC.

**Yêu cầu:** Dịch vụ công trực tuyến đảm bảo yêu cầu theo Điều 5 Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/1/2017 của Bộ Thông tin và Truyền Thông.

**2. Thời gian triển khai thực hiện:** Trong quý III năm 2018.

### **3. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí: Ngân sách Nhà nước cấp

Tổng kinh phí hỗ trợ cho Tổ cập nhật dịch vụ công trực tuyến (=50% tổng kinh phí cập nhật TTHC): 20.205.000 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng). (Chi tiết có biểu kèm theo)

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Văn hóa và Thông tin**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này. Tham mưu cho UBND huyện thành lập Tổ cập nhật sửa đổi, bổ sung dịch vụ công trực tuyến; đôn đốc các thành viên triển khai thực hiện việc cập nhật theo thời gian quy định.

### **2. Văn phòng HĐND và UBND huyện**

Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin trong việc triển khai thực hiện việc cập nhật sửa đổi, bổ sung dịch vụ công trực tuyến theo kế hoạch.

Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch lập dự trù kinh phí, thẩm định hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

### **3. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện lập dự trù kinh phí, thẩm định hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định; tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí hỗ trợ việc cập nhật sửa đổi, bổ sung dịch vụ công trực tuyến theo kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch cập nhật sửa đổi, bổ sung dịch vụ công trực tuyến theo Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017. Yêu cầu các cơ quan đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch./.

**Nơi nhận:** ✓

- Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

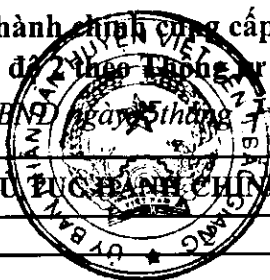
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Phòng VH TT, Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Nội vụ huyện;
- LĐVP, CVTH.





**Danh mục thủ tục hành chính cấp dịch vụ công trực tuyến  
mức độ 1, mức độ 2 theo Thông tư 32/2017/TT-BTTTT**

(kèm theo Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 5 tháng 7 năm 2018 của UBND huyện Việt Yên)



| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b> |   |
|-------------------------------------|---|
| TT                                  |   |
| 1                                   |   |
| <b>I</b>                            | <b>LĨNH VỰC NỘI VỤ</b>  |
| 1                                   | Ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có  |
| 2                                   | Điều động công tác đối với viên chức trong huyện  |
| 3                                   | Giới thiệu chuyển công tác  |
| 4                                   | Tiếp nhận viên chức huyện ngoài trong tỉnh  |
| 5                                   | Quyết định điều động, chuyển công tác viên chức ra huyện ngoài trong tỉnh   |
| 6                                   | Tiếp nhận và phân công công tác đối với viên chức   |
| 7                                   | Công nhận Ban vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã   |
| 8                                   | Thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong địa giới hành chính cấp xã   |
| 9                                   | Báo cáo về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường  |
| 10                                  | Đổi tên hội   |
| 11                                  | Tự giải thể hội   |
| 12                                  | Cấp đăng ký cho hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh  |
| 13                                  | Đăng ký cho dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh   |
| 14                                  | Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành   |
| 15                                  | Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm có sự tham gia của tín đồ trong huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh   |
| 16                                  | Chấp thuận tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở   |
| 17                                  | Chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh  |
| 18                                  | Thủ tục chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo  |
| 19                                  | Chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện   |
| 20                                  | Trình tự, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” và “Giấy khen   |
| <b>II</b>                           | <b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>   |
| 1                                   | Bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy đối với cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài  |
| 2                                   | Bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy đối với trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông) có vốn đầu tư nước ngoài |
| 3                                   | Bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy đối với trường tiểu học có vốn đầu tư nước ngoài   |
| 4                                   | Bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy đối với trường trung học cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài  |

| TT | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN  |
|----|---|
| 1  |   |
| 5  | Cấp, gia hạn giấy phép dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường  |
| 6  | Cấp, gia hạn giấy phép dạy thêm, học thêm trong nhà trường  |
| 7  | Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông), trừ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền của Bộ GD&ĐT |
| 8  | Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài   |
| 9  | Cho phép hoạt động giáo dục đối với trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông) có vốn đầu tư nước ngoài  |
| 10 | Cho phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học có vốn đầu tư nước ngoài  |
| 11 | Cho phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài   |
| 12 | Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ   |
| 13 | Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ dân lập   |
| 14 | Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục   |
| 15 | Cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học   |
| 16 | Cho phép hoạt động giáo dục trường trung học cơ sở  |
| 17 | Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập   |
| 18 | Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập  |
| 19 | Công nhận trường Tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu  |
| 20 | Đề nghị gia hạn đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài  |
| 21 | Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài   |
| 22 | Đình chỉ hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ   |
| 23 | Đình chỉ hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ dân lập   |
| 24 | Đình chỉ hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục   |
| 25 | Đình chỉ hoạt động giáo dục tiểu học  |
| 26 | Đình chỉ hoạt động trung tâm học tập cộng đồng  |
| 27 | Đình chỉ hoạt động trường trung học cơ sở   |
| 28 | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông), trừ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền của Bộ GD&ĐT                       |
| 29 | Giải thể nhà trường, nhà trẻ  |
| 30 | Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập  |
| 31 | Giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thục  |
| 32 | Giải thể trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn   |
| 33 | Giải thể trường tiểu học  |
| 34 | Giải thể trường trung học cơ sở   |



| TT         | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN   |
|------------|--|
| 1          |  |
| 35         | Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp   |
| 36         | Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ   |
| 37         | Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ dân lập   |
| 38         | Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thục   |
| 39         | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học   |
| 40         | Sáp nhập, chia, tách Trường trung học cơ sở  |
| 41         | Thành lập cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông), trừ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền của Bộ GD&ĐT |
| 42         | Thành lập nhà trường, nhà trẻ  |
| 43         | Thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập  |
| 44         | Thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục  |
| 45         | Thành lập trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn   |
| 46         | Thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học  |
| 47         | Thành lập, cho phép thành lập Trường trung học cơ sở   |
| 48         | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa  |
| 49         | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học  |
| 50         | Chuyển trường THCS ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương   |
| 51         | Tiếp nhận học sinh người nước ngoài ở cấp Trung học cơ sở  |
| 52         | Tiếp nhận học sinh Việt Nam về nước ở cấp Trung học cơ sở  |
| <b>B</b>   | <b>Lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ</b>  |
| 53         | Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc   |
| 54         | Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ  |
| <b>III</b> | <b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>   |
| <b>A</b>   | <b>Bảo trợ xã hội</b>  |
| 1          | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện   |
| 2          | Cấp lại; điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện   |
| <b>B</b>   | <b>Lĩnh vực người có công</b>  |
| 3          | Cấp Giấy chứng nhận bị thương, Giấy chứng nhận thương binh, Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp thương tật.  |





| TT        | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN   |
|-----------|--|
| 1         |  |
| <b>C</b>  | <b>Phòng chống tệ nạn, xã hội</b>  |
| 4         | Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú   |
| 5         | Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú  |
| 6         | Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm  |
| <b>IV</b> | <b>LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG</b>  |
| 1         | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh  |
| 2         | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh   |
| 3         | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh  |
| 4         | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá   |
| 5         | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá  |
| 6         | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá   |
| 7         | Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu  |
| 8         | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu   |
| 9         | Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu  |
| 10        | Phân hạng Chợ đối với Chợ hạng 2, Chợ hạng 3   |
| 11        | Phê duyệt Phương án bố trí sắp xếp ngành nghề kinh doanh, điểm kinh doanh tại Chợ đối với Chợ hạng 2, Chợ hạng 3   |
| 12        | Phê duyệt nội quy Chợ đối với Chợ hạng 2, Chợ hạng 3   |
| 13        | Đăng ký tham gia đấu thầu tổ chức kinh doanh khai thác và quản lý chợ  |
| 14        | Lựa chọn, giao doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ   |
| <b>V</b>  | <b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG</b>   |
| <b>A</b>  | <b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH KIẾN TRÚC</b>  |
| 1         | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện  |
| 2         | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện  |
| 3         | Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý   |
| <b>B</b>  | <b>LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b>   |
| 4         | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD) |
| 5         | Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.                    |
| 6         | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm   |



| TT  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN  |
|-----|---|
| 1   | <p>ka, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương</p>  |
| VI  | <b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>  |
| 1   | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện đang khai thác  |
| 2   | Cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện đang khai thác  |
| 3   | Cấp phép thi công biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện đang khai thác.  |
| 4   | Cấp phép thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường huyện đang khai thác  |
| 5   | Chấp thuận điểm đầu nối vào đường huyện đang khai thác.   |
| 6   | Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường huyện.   |
| 7   | Gia hạn giấy phép thi công đối với thi công công trình thiết yếu, thi công biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện đang khai thác và thi công nút giao đầu nối vào đường huyện.  |
| 8   | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (Đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý).  |
| 9   | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (Đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý).  |
| 10  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (Đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý).   |
| 11  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (Đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý).   |
| 12  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (Đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý).   |
| 13  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (Đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý).   |
| 14  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (Đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý). |
| VII | <b>LĨNH VỰC TƯ PHÁP</b>   |
| A   | <b>Hộ tịch</b>  |



| TT | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN  |
|----|---|
| 1  |   |
| 1  | Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có yếu tố nước ngoài  |
| 2  | Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài và cư trú tại Việt Nam  |
| 3  | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài  |
| 4  | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài  |
| 5  | Đăng ký chấm dứt, thay đổi giám hộ có yếu tố nước ngoài   |
| 6  | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài  |
| 7  | Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài  |
| 8  | Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch có yếu tố nước ngoài; thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú trong nước.  |
| 9  | Đăng ký bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài  |
| 10 | Xác định lại dân tộc  |
| 11 | Ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh, giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi, thay đổi hộ tịch, khai tử của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài              |
| 12 | Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết ở nước ngoài   |
| 13 | Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn đã được giải quyết ở nước ngoài  |
| 14 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài  |
| 15 | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài  |
| 16 | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài  |
| 17 | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài  |
| 18 | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân  |
| 19 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch   |
| B  | <b>Chứng thực</b>   |
| 20 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận   |
| 21 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận |
| 22 | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)   |
| 23 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch  |
| 24 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch   |
| 25 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực   |
| 26 | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp  |
| 27 | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp   |
| 28 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản  |
| 29 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản  |

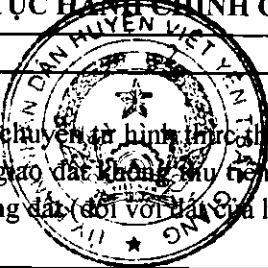


| TT   | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN   |
|------|--|
| 1    |  |
| 30   | Chứng thực văn bản khai nhận di sản thừa kế  |
| C    | <b>Bồi thường nhà nước</b>   |
| 31   | Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường   |
| 32   | Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính   |
| 33   | Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu  |
| 34   | Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai  |
| VIII | <b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>  |
| A    | <b>Lâm nghiệp, nông nghiệp</b>   |
| 1    | Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng  |
| 2    | Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn |
| 3    | Xác nhận đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới  |
| 4    | Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh  |
| 5    | Bố trí, ổn định dân cư trong huyện   |
| 6    | Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135 giai đoạn 3   |
| 7    | Thẩm định, phê duyệt dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch thuộc chương trình 30a  |
| B    | <b>Thủy sản</b>  |
| 8    | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản   |
| 9    | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp giấy chứng nhận sắp hết hạn  |
| 10   | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP                 |
| 11   | Thủ tục xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm   |
| IX   | <b>LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH, THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG</b>   |
| A    | <b>Văn hóa</b>   |
| 1    | Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”  |
| 2    | Công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương   |
| 3    | Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương  |
| 4    | Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”   |





| TT       | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN  |
|----------|---|
| 1        |   |
| 5        | Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”  |
| 6        | Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”  |
| 7        | Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”  |
| <b>B</b> | <b>Thư viện</b>   |
| 8        | Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản  |
| <b>C</b> | <b>Gia đình</b>   |
| 9        | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)  |
| 10       | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)  |
| 11       | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)  |
| <b>D</b> | <b>Thông tin và Truyền thông</b>  |
|          | <b>Xuất bản</b>   |
| 12       | Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy  |
| 13       | Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy   |
|          | <b>Viễn thông và internet</b>   |
| 14       | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng   |
| 15       | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng   |
| 16       | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng   |
| 17       | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng  |
| <b>X</b> | <b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>  |
| <b>A</b> | <b>Đất đai</b>  |
| 1        | Giải quyết tranh chấp đất đai   |
| 2        | Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá QSD đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư  |
| 3        | Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân.   |
| 4        | Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.   |
| 5        | Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng QSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)  |
| 6        | Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (đối với đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư) |

| TT         | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN  |
|------------|---|
| 1          |   |
| 7          |  <p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)</p> |
| 8          | Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề  |
| 9          | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu  |
| 10         | Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân   |
| <b>B</b>   | <b>Môi trường</b>   |
| 11         | Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường  |
| <b>XI</b>  | <b>LĨNH VỰC DÂN TỘC</b>   |
| 1          | Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015   |
| <b>XII</b> | <b>LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>  |
| <b>A</b>   | <b>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH</b>   |
| 1          | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh   |
| 2          | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh   |
| 3          | Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh   |
| 4          | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh  |
| 5          | Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh   |
| <b>B</b>   | <b>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ</b>  |
| 6          | Đăng ký hợp tác xã (HTX)  |
| 7          | Đăng ký thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX  |
| 8          | Đăng ký thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX (trường hợp HTX lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại huyện hoặc tỉnh/thành phố khác với nơi HTX đặt trụ sở chính)  |
| 9          | Đăng ký thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX (trường hợp HTX lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài)   |
| 10         | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký HTX: thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; Tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của HTX)  |
| 11         | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX (Thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ, ngành nghề sản xuất kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX)   |

| TT       | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN   |
|----------|--|
| 1        |  |
| 12       | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (thay đổi nội dung điều lệ, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc thêm vốn/chiếm vốn) |
| 13       | Thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Hợp tác xã   |
| 14       | Tạm ngừng hoạt động HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX  |
| 15       | Giải thể tự nguyện HTX   |
| 16       | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký HTX (trường hợp đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)                                   |
| 17       | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký HTX (trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)  |
| 18       | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX (trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)                                       |
| 19       | Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã  |
| 20       | Đăng ký khi HTX chia   |
| 21       | Đăng ký khi HTX tách   |
| 22       | Đăng ký khi HTX hợp nhất   |
| 23       | Đăng ký khi HTX sáp nhập   |
| <b>C</b> | <b>ĐÁU THẦU, THẨM ĐỊNH DỰ ÁN</b>   |
| 24       | Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật   |
| 25       | Phê duyệt dự án  |
| 26       | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu   |
| 27       | Phê duyệt hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa thuộc dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.  |
| 28       | Phê duyệt hồ sơ mời thầu xây lắp thuộc dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.   |
| 29       | Phê duyệt hồ sơ mời thầu tư vấn công trình do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.   |
| 30       | Phê duyệt hồ sơ mời thầu xây lắp quy mô nhỏ thuộc công trình do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.   |
| 31       | Sửa đổi hồ sơ mời thầu do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư  |
| 32       | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư  |
| 33       | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (Chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh) do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư   |
| 34       | Phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu mua sắm hàng hóa thuộc dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư   |
| 35       | Phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu xây lắp thuộc công trình do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.  |
| 36       | Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu  |
| 37       | Giải quyết kiến nghị của nhà thầu về các vấn đề liên quan trong quá trình đấu thầu   |
| 38       | Xin ý kiến HSMT (đối với gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã)  |
| 39       | Thẩm định hồ sơ, phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện)  |
| 40       | Thẩm định nguồn vốn (đối với dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện)   |

| TT          | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN   |
|-------------|--|
| 1           |  |
| <b>XIII</b> | <b>LĨNH VỰC TÀI CHÍNH</b>  |
| 1           | Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng tài sản nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.                                  |
| 2           | Thanh lý tài sản nhà nước của các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền UBND huyện   |
| 3           | Điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND huyện  |
|             |  |
| TT          | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ  |
| 1           | 2  |
| <b>I</b>    | <b>Lĩnh vực công thương</b>  |
| 1           | Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại                  |
| 2           | Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại              |
| 3           | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại |
| <b>II</b>   | <b>Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo</b>  |